

Số: 413/QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đính chính Quyết định số 1355/QĐ-SYT ngày 27/11/2017
của Sở Y tế Hải Phòng**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1717/2010/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế về việc quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1355/QĐ-SYT ngày 27/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Hội đồng mua sắm thuốc cho ngành Y tế Hải Phòng năm 2017 – 2019, Hội đồng thẩm định lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc của các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại Biên bản làm việc ngày 12/02/2018 về việc đính chính Quyết định số 1355/QĐ-SYT ngày 27/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính Quyết định số 1355/QĐ-SYT ngày 27/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Nội dung đính chính chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Các nội dung khác của Quyết định số 1355/QĐ-SYT ngày 27/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng giữ nguyên không thay đổi.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các phòng, ban Văn phòng Sở Y tế, Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm – mỹ phẩm, Thủ trưởng các đơn vị y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng, các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- Như điều 3;
- Website Sở Y tế HP;
- BHXH Hải Phòng;
- Kho bạc NN Hải Phòng;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Thu Xanh

5	BD271	LANTUS	Insuline glarine	100 đơn vị/ml (1000 đơn vị/lọ 10ml)	Hộp 1 lọ 10ml, Dung dịch tiêm, tiêm	36 tháng	QLSP- 0790- 14	Sanofi- Aventis Deutschla nd GmbH- Đức	Lọ	4,320	505,030.00	2,181,729,600	Sửa Hoạt chất thành: Insuline glargine
6	BD313	Singulair Tab 5mg 28's	Monteluk ast (dưới dạng monteluk ast natri) 5mg	5mg	Hộp 2 vi x 14 viên, Viên nhai, Uống	24 tháng	VN- 20319- 17	Merck Sharp & Dohme Ltd - UK; Đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V - The Netherlan ds-Anh, đóng gói Hà Lan	Viên	2,080	13,502.00	28,084,160	Sửa Tên thuốc thành: Singulair 5mg

1	BD055	Ceclor Sus 125mg 60ml	Cefaclor	125mg/ 5ml,60ml	Hộp 1 lọ 60ml, Cốm pha hỗn dịch uống, Uống	24 tháng	VN- 15935- 12	Facta Farmaceu tici SPA - Ý-Ý	Lọ	3,900	97,100.00	378,690,000	Sửa Tên thuốc thành: Ceclor
2	BD079	Zithrom ax	Azithrom ycin	500mg	1 vi x 3 viên/ hộp, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VN- 11235- 10	Haupt Pharma Latina S.r.l-Ý	Viên	18,300	89,820.00	1,643,706,000	Sửa Tên thuốc thành: Zitromax
3	BD084	Ciproba y 200	Ciproflo xacin	200mg/10 0ml	Hộp 1 lọ 100ml, Dịch truyền, Truyền tĩnh mạch	48 tháng	VN- 14008- 11	Bayer Pharma AG-Đức	Lọ	14,700	246,960.00	3,630,312,000	Sửa CSSX thành: Bayer Schering Pharma AG
4	BD114	Iressa Tab 250 mg 30's	Gefitinib	250mg	Hộp 3 vi x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VN- 15209- 12	AstraZene ca UK Ltd.; đóng gói AstraZene ca Pharmace utical Co., Ltd.-Anh, đóng gói Trung Quốc	Viên	600	655,112.00	393,067,200	Sửa Tên thuốc thành: Iressa

II. Danh sách các thuốc đính chính nội dung phê duyệt:

1. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1:

ST T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuần i thọ)	SĐK hoặc GPN K	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự thầu	Giá dự thầu	Thành tiền	Nội dung đính chính
1	BD216	Xenetix 300 100ml	Iobitridol	65,81g/100ml	Hộp 10 lọ 100ml, dung dịch tiêm, tiêm	36	VN-16787-13	Guerbet - Pháp	Lọ	7,850	485,000	3,807,250,000	Sửa Tên thuốc thành: Xenetix 300
2	BD217	Xenetix 300 50ml	Iobitridol	65,81g/100ml - 50ml	Hộp 25 lọ 50ml, dung dịch tiêm, tiêm	36	VN-16786-13	Guerbet - Pháp	Lọ	95,060	275,000	26,141,500,000	Sửa Tên thuốc thành: Xenetix 300
3	BD323	Curosurf 120mg/1, 5ml	Phospholipid chiết từ phổi lợn	80mg/1ml - 1,5ml	Hộp 1 lọ, hỗn dịch bơm ống nội khí quản	18	VN-18909-15	Chiesi Farmaceutici S.p.A - Ý	Lọ	2,000	13,990,000	27,980,000,000	Sửa Tên thuốc thành: Curosurf

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dược liệu Trung Ương 2:

ST T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuần i thọ)	SĐK hoặc GPN K	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự thầu	Giá dự thầu	Thành tiền	Nội dung đính chính
------	---------	-----------	---------------	---------------------	------------------------------------	-----------------------	----------------	--------------------------------	-------------	------------------	-------------	------------	---------------------

Đính chính kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Kèm Quyết định số 443/QĐ-SYT ngày 27/ 2/2018 của Sở Y tế Hải Phòng)

I. Danh sách các thuốc rút khỏi danh mục thuốc trúng thầu:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dược liệu Trung Ương 2:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự thầu	Giá dự thầu	Thành tiền
1	BD031	Aerius	Desloratadi ne	0.5mg/ ml	Hộp 1 chai 60ml Si rô, Sirô, Uống	24 tháng	VN- 14268- 11	Schering Plough Labo N.V.-Bi	Chai	3900	78,900.00	307,710,000.00
2	BD118	Campto Inj 100mg 5ml	Irinotecan hydroclorid trihidrat	100mg/ 5ml	1 lọ/ hộp, Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền, Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	36 tháng	VN- 20050- 16	Pfizer (Perth) Pty Ltd-Úc	Lọ	1420	3,679,240.00	5,224,520,800.00
3	BD258	Medrol Tab 4mg 30's	Methylpred nisolone	4mg	3 vi * 10 viên, Viên nén, Uống	36 tháng	VN- 13805- 11	Pfizer Italia S.r.l-Ý	Viên	666140	983.00	654,815,620.00